TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **74**/2025/DS - ST.
Ngày: 26/11/2025.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Luyến.

2. Ông Lê Quang Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2025, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐST-DS, ngày 10/11/2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm C, Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng: Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Công S, sinh năm 1982; bà Trần Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm C, Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng: Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm C, Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – Bà Trương Thị Hồng H trình bày như sau:

Vào ngày 24/10/2019 bà Trương Thị Hồng H cho vợ chồng ông S, bà T vay số tiền 230.000.000đ; các bên không thỏa thuận lãi suất; thời hạn vay là 01 năm.

Đến ngày 01/11/2020 bà Trần Thị T tiếp tục vay của bà H số tiền 100.000.000đ; các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn là 01 năm.

Tuy nhiên, khi đến hạn thì vợ chồng ông S, bà T không trả tiền nợ vay cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S, bà T phải trả cho bà H tổng số tiền là 330.000.000đ. Bà H không yêu cầu tính lãi.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn – Ông Võ Công S trình bày:

Vào ngày 24/10/2019 vợ chồng ông S vay của bà H số tiền 230.000.000đ và ngày 01/11/2020 tiếp tục vay số tiền 100.000.000đ. Khi vay tiền có viết giấy tờ và ký xác nhận với nhau. Mục đích vay là để làm ăn, sản xuất nông nghiệp trồng cây lúa nước. Các bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng; không thỏa thuận thời hạn. Khi vay tiền, các bên thỏa thuận miệng là tiền vay sẽ khấu trừ vào tiền cân lúa. Thế nhưng, từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024, số tiền mua bán lúa giữa các bên chưa tính toán với nhau. Theo tính toán của ông S thì số tiền mà vợ chồng ông S bán lúa cho bà H trong thời gian năm 2023 đến tháng 3/2024 khoảng 900 bao trị giá đã vượt quá số tiền 330.000.000đ. Ông S đề nghị bà H xem xét tính toán lại số tiền còn nợ mua lúa của vợ chồng ông S. Nếu sau khi tính toán, vợ chồng ông S còn nợ bao nhiêu thì vợ chồng ông S có trách nhiệm trả cho bà H. Nếu bà H còn nợ tiền mua lúa thì ông S không yêu cầu bà H phải trả lại mà xem đây là khoản tiền lãi ông S trả cho bà H đối với số tiền còn nợ là 330.000.000đ. Ông S đề nghị bà H xem xét tính toán lại chứ ông S không làm đơn khởi kiện bà H liên quan đến số tiền mua bán lúa.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án,bị đơn – Bà Trần Thị T trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông S. Bà T thừa nhận còn nợ bà H số tiền 330.000.000đ và không có yêu cầu gì liên quan trong vụ án.

[4] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C xác định vợ chồng bà T, ông S còn nợ bà H số tiền 330.000.000đ. Do việc vay mượn tiền giữa các bên như thế nào thì ông C không biết; ông C không liên quan gì đến số tiền này. Ông C xác định đây là tài sản riêng của bà Trương Thị Hồng H. Ông C yêu cầu vợ chồng bà T, ông S có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho bà H. Liên quan trong vụ án này, ông C không có yêu cầu gì. Ông C xin từ chối tham gia tố tụng.

[5] Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Trương Thị Hồng H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 tờ giấy ghi ngày 24/10/2019 dương lịch tổng nợ 230.000.000đ, hai trăm ba chục triệu chẳn, phía dưới có chữ ký của Trần Thị T, Võ Công S (bản gốc); 01 tờ giấy có nội dung: 1/11/2020 S nợ chị Hà C1 một trăm triệu: 100.000.000, phía dưới có chữ ký của Trần Thị T (bản gốc); 01 bản sao căn cước công dân đứng tên Trương Thị Hồng H.

- Ông Võ Công S, bà Trần Thị T cung cấp: 07 tờ giấy kẻ ngang. Trên các tờ giấy này có thể hiện những con số có chữ màu xanh. Phía cuối những trang

giấy có chữ ký của ông S, bà T ghi nội dung "Chứng cứ ông S + bà T cung cấp ngày 10/11/2025".

- Ông Nguyễn Văn C: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

[6]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Bà Trương Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải trả lại cho bà H tổng số tiền là 330.000.000đ. Ông S, bà T xác định còn nợ bà H số tiền 330.000.000đ.

[7]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng H. Buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải trả cho bà Trương Thị Hồng H số tiền 330.000.000đ.

Về án phí:

- Buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải nộp án phí DSST.

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trương Thị Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trương Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải trả cho bà H số tiền còn nợ là 330.000.000 đồng. Ngoài yêu cầu này thì các đương sự không còn yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Xét yêu cầu về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trương Thị Hồng H:

Bà Trương Thị Hồng H xác định vào ngày 24/10/2019 vợ chồng ông Võ Công S, bà Trần Thị T vay số tiền 230.000.000đ và ngày 01/11/2020 tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000đ. Đến nay, vợ chồng ông S, bà T còn nợ bà H số tiền 330.000.000đ. Cho nên, bà H khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền còn nợ 330.000.000đ. Trong giai đoạn giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T, ông S đều thừa nhận còn nợ bà H số tiền 330.000.000đ đã vay vào các ngày 24/10/2019, 01/11/2020. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Do đó, có đủ căn cứ xác định hiện nay vợ chồng bà T, ông S còn nợ bà H tổng số tiền là 330.000.000đ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng H về việc buộc vợ chồng ông S, bà T phải trả lại số tiền 330.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông S, bà T đều cho rằng: Bà Trương Thị Hồng H còn nợ tiền mua bán lúa của ông S, bà T và đề nghị bà H xem xét tính toán lại số tiền mua bán lúa để khấu trừ vào số tiền còn nợ mà ông S, bà T vay của bà H. Tuy nhiên, ông S, bà T không làm đơn khởi kiện và cũng không xác định được số tiền bà H còn nợ là bao nhiêu. Do đó, không có căn cứ Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này. Trường hợp, ông S, bà T cho rằng bà H còn nợ tiền mua bán lúa thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về lãi suất: Bà Trương Thị Hồng H không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng H được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải nộp án phí DS/ST. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trương Thị Hồng H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng H.

- Buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Hồng H tổng số tiền là 330.000.000đ (ba trăm, ba mươi triệu đồng). Bà Trương Thị Hồng H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị T phải nộp 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005794, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Án xử sơ thẩm công khai; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/11/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16, LĐ;
- Phòng THADS KV16, LĐ;
- Cơ quan THSDS;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Yến